

Bản án số: 81/2021/HSST

Ngày: 19/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Tuyết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2021/HSST ngày 14/10/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HS ngày 28/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/HSST-QĐ ngày 10/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Chu Văn T - sinh năm 1988; nơi sinh, nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Cống Khê, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; con ông Chu Văn Phiên và bà Trần Thị Hoa; có vợ: Nguyễn Thị Hiền – sinh năm 1995 và 03 con (lớn nhất SN 2012, nhỏ nhất SN 2021); danh chỉ bản số 166, lập ngày 01/7/2021 tại Công an huyện Ứng Hòa; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giam giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 13/8/2021 tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T1 - sinh năm 1988; nơi sinh, nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; con ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Xây; có vợ Trần Thị Thảo – sinh năm 1991 và 02 con (lớn SN 2012, nhỏ SN 2017); danh chỉ bản số 167, lập ngày 01/7/2021 tại Công an huyện Ứng Hòa; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giam giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 13/8/2021 tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Đặng Văn Hiền – sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn Đông Dương, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Nguyễn Thị Hiền – sinh năm 1995 (vợ bị cáo T - có mặt)

Trú tại: thôn Cống Khê, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

- Trần Thị Thảo – sinh năm 1991 (vợ bị cáo T1 - có mặt)

Trú tại: thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

* *Người làm chứng:* Chu Văn Viên – sinh năm 1980 (Vắng mặt)
Trú tại: thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 4 năm 2020, Đặng Văn Hiền ở Đông Dương, Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội nhờ bạn là Trần Văn T1 ở Trạch Xá, Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội vay hộ 20.000.000 đồng thì T1 liên hệ với Chu Văn T là bạn ở cùng xã hỏi vay tiền hộ Hiền thì T đồng ý cho vay với lãi xuất 2000đ/triệu/ngày (tức mỗi tháng Hiền phải trả 1.200.000đ tiền lãi). Sau khi vay, Hiền trả lãi được 04 tháng (4.800.000đ), rồi không trả được nữa.

Sau nhiều lần T1 và T gọi điện cho Hiền đề đòi nợ nhưng Hiền đều khất. Khoảng 10 giờ ngày 22/6/2021, Hiền đi xe máy Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát (Viết tắt: BKS) 29Y3-453.43 của nhà đến nhà T1 đón T1 tới quán sửa xe máy của anh Chu Văn Viên ở Trạch Xá, Hòa Lâm, Ứng Hòa để hẹn T ra nói chuyện về số nợ. Khi tới quán, T1 bảo Hiền ngồi đợi, còn T1 mượn xe máy của Hiền để đi đón T. Tại nhà T, T1 nói “xe Hiền đây” thì T bảo “Giữ xe nó ở đây để ép nó trả nợ, tỳ tao lai mày ra”, T1 đồng ý rồi đi xe máy vào để ở sân nhà T; sau đó, T lấy xe khác chở T1 ra quán của anh Viên. Khi ra đến nơi, thấy Hiền đang ngồi tại bàn uống nước sát cửa quán, T ngồi đối diện với Hiền và nói “Sao trốn kỹ thế?”, Hiền nói “Anh trốn đâu, anh vẫn ở đây mà!”, thì T nói “Thế mày có mang tiền trả tao không?”, Hiền nói “Cho anh thêm chục hôm, anh thu cá thì trả”, T nói “Không được, khất bao nhiêu lần rồi”, rồi T cầm chiếc mũ cối để ở bàn uống nước đập 03 phát về phía đầu của Hiền, Hiền đưa tay lên đỡ thì trúng vào cẳng tay trái. Sau đó, T lấy giấy bút có sẵn ở trên bàn uống nước đưa cho Hiền và ép Hiền viết giấy bán xe máy của Hiền cho T với giá 15.000.000đồng. Sau khi Hiền viết xong, T hỏi “Điện thoại đang dùng đâu, bỏ ra xem nào?”, Hiền không đồng ý và nói “Đây là điện thoại của anh trai cho”, T giơ chân đập 01 phát trúng vào đầu gối trái của Hiền, thì Hiền lấy trong túi quần 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung ra, T cầm điện thoại đưa cho T1 và bảo “Tháo sim ra trả Hiền, còn mày cầm lại máy”, T1 đồng ý làm theo rồi đi vào khu anh Viên đang sửa xe bên trong nhà đưa điện thoại cho anh Viên và nói “Anh cất đi hộ em”, anh Viên nói “Thôi không cầm đâu” và tiếp tục sửa xe. T1 sợ cầm theo điện thoại thì Hiền sẽ đòi lại nên giấu vào tủ đồ sửa xe của anh Viên. Sau đó, T chở T1 và Hiền đi tới cổng làng thôn Trạch Xá thì T1 về nhà lấy xe rồi trở Hiền về nhà Hiền.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đi xe máy của Hiền đến nhà T1 nói với T1 “Nhà tao chật, để xe ở nhà mày, bao giờ nó trả tiền thì mày trả cả xe và điện thoại cho nó” thì T1 đồng ý.

Ngay sau khi sự việc xảy ra, Hiền viết đơn đến Công an xã Hòa Lâm trình báo. Đến 18 giờ cùng ngày, T và T1 đến Công an huyện Ứng Hòa đầu thú.

Hậu quả, anh Hiền bị 01 vết bầm tím ở cẳng tay trái diện 03cm x 01cm (không đi điều trị ở cơ sở y tế nào).

Vật chứng thu giữ: - 01 xe máy hiệu Honda Wave anpha màu xanh BKS: 29Y3-453.43; – 01 điện thoại di động nhả hiệu Samsung Galaxy S8⁺ màu hồng, số IMEI: 355237084073021 đã qua sử dụng; - 01 ốp điện thoại màu đen; - 01 mũ cối màu xanh trên vành có ghi chữ “Hiền”, chóp mũ có nùm khuy kim loại bọc giấy màu vàng.

Bản kết luận định giá số 42 ngày 28/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Ứng Hòa kết luận: “xe máy trị giá 18.000.000 đồng; điện thoại trị giá 1.500.000 đồng; ốp điện thoại trị giá 30.000 đồng. Tổng giá trị số tài sản bị chiếm đoạt là 19.530.000đ (*Mười chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 13/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố Chu Văn T và Trần Văn T1 về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt: BLHS).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của BLHS, xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 38 đến 42 tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời giam tạm giam giữ, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; xử phạt Trần Văn T1 từ 36 đến 40 tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời giam tạm giam giữ, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ số tài sản bị chiếm đoạt, đồng thời xác nhận việc đã nhận số tiền bồi thường của gia đình các bị cáo là 25 triệu đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên không xét.

Về số tiền Hiền vay T, do T và vợ là chị Nguyễn Thị Hiền không yêu cầu Hiền phải trả nên không xét.

- Bị cáo T và T1 đều thừa nhận diễn biến sự việc như nội dung cáo trạng, thừa nhận hành vi phạm tội, đều tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Cả hai bị cáo đều cho rằng do nhận thức kém, cho rằng mục đích lấy mấy thứ đồ để Hiền nhanh chóng trả nợ T, không nghĩ được hậu quả lại nghiêm trọng như vậy. T1 cho rằng do mình đứng ra liên hệ để vay cho Hiền nên cũng phải có trách nhiệm đốc thúc Hiền trả nợ T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hiền và chị Trần Thị Thảo đều thừa nhận việc quá trình điều tra, trong thời gian đang bị giam giữ chồng mình là bị cáo T và T1 đã đề nghị, tác động gia đình tự nguyện bồi thường khúc phục hậu quả cho người bị hại và đều không có ý kiến đề nghị gì khác. Về số tiền Hiền nợ T chị Hiền cũng nhất trí không yêu cầu Hiền phải trả.

- Người bị hại và người làm chứng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đều đã thực các qui định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định: Do nợ tiền từ lâu không trả được nên ngày 22/6/2021, Đặng Văn Hiền hẹn với Chu Văn T và Trần Văn T1 để nói chuyện về việc nợ tiền. Do mâu thuẫn từ việc này nên khi gặp nhau tại điểm hẹn thì T1 đã mượn xe máy BKS: 29Y3-453.43 của Hiền để đi đón T, sau đó đã đồng tình với T giữ xe máy của Hiền tại nhà T để ép Hiền trả nợ. Khi T và T1 ra chỗ hẹn thì Hiền xin khất nợ nhưng T không đồng ý và dùng mũ cối đập nhiều phát về phía đầu của Hiền, Hiền đưa tay lên đỡ thì bị trúng vào cẳng tay trái gây bầm tím, rồi ép Hiền viết giấy bán xe máy BKS: 29Y3-453.43 của Hiền cho T với giá 15.000.000 đồng. T tiếp tục yêu cầu Hiền đưa điện thoại ra nhưng Hiền không đồng ý thì T dùng chân đạp vào đầu gối của Hiền, buộc Hiền phải lấy điện thoại Samsung Galaxy S8⁺ để trong túi quần ra đưa cho T, T cầm điện thoại đưa cho T1 bảo tháo sim trả lại Hiền, còn điện thoại T1 giữ. Tổng giá trị tài sản T và T1 chiếm đoạt của Hiền là 19.530.000 đồng. Đối chiếu với qui định của pháp luật hình sự thì hành vi của T và T1 đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*” qui định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

Bởi vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn uy hiếp, đe dọa tính mạng, sức khỏe của người khác, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định, trật tự trị an địa phương. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, cố ý vi phạm. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, vai trò, nguyên nhân và việc phân hóa tội phạm:

[4.1] Đối với Chu Văn T: Quan hệ pháp luật trong giao dịch vay mượn giữa Hiền với T chỉ là dân sự, do khó khăn không trả được nên Hiền đã chủ động hẹn gặp T và T1 để khất nợ, nhưng T lại có thái độ thể hiện sự bất chấp, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Với hành vi dùng mũ cối đập nhiều nhất về phía đầu người bị hại, dùng chân đạp vào đầu gối người bị hại, uy hiếp tính mạng, sức khỏe người bị hại, làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản nên hành vi của T đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*” qui định tại điểm d khoản 2 của BLHS. T chủ động trong việc thực hiện tội phạm nên giữ vai trò chính, vai trò là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm cao hơn.

[4.2] Đối với Trần Văn T1: Quan hệ giữa T1 với Hiền và T đều là bạn, từ việc T1 là người đứng ra giúp Hiền và T thực hiện giao dịch vay mượn, do lâu ngày Hiền không trả nợ T nên T1 nhận thức cho rằng mình cũng phải có trách nhiệm, nên khi T bảo giữ xe của Hiền lại, khi T hành hung Hiền để ép Hiền viết giấy bán xe, khi T dùng chân đạp Hiền để ép đưa điện thoại, khi T bảo tháo sim trả lại Hiền thì T1 đều biết, đều làm theo nên hành vi của T1 là đồng phạm với T có tính chất gián

đơn, với vai trò là người giúp sức; hành vi vi phạm của T đến đâu thì T1 phải chịu đến đó.

[4.3] Xét về nguyên nhân, mối quan hệ và sự nhận thức thấy: Từ việc khó khăn trong việc tìm gặp Hiền để đòi nợ nên khi gặp được Hiền, do nhận thức hạn chế nên T và T1 chỉ đơn giản cho rằng giữ xe máy, điện thoại, ép viết giấy bán xe thì Hiền sẽ nhanh chóng trả tiền để lấy lại tài sản về. Bản thân người bị hại cũng thừa nhận, nhận thức cho rằng mình cũng có một phần lỗi. Tuy nhiên, với tính chất của hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, nên mặc dù động cơ, mục đích của các bị cáo khi thực hiện tội phạm là đơn giản, nhưng các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hình sự với hành vi đã thực hiện; nhưng, đây cũng là căn cứ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh bản thân và gia đình các bị cáo thấy: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội nhận thức được sai phạm đã xin đầu thú và tự nguyện giao nộp số tài sản chiếm đoạt; quá trình điều tra đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả xong cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Mặt khác, xét việc các bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức có phần hạn chế, đều không có công việc và thu nhập ổn định; trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt; các con đều còn nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn, có đơn trình bày hoàn cảnh và xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, hoàn cảnh bản thân và gia đình các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khi quyết định hình phạt, HĐXX thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định; tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; tính chất của hành vi phạm tội là nguy hiểm, nhưng động cơ là đơn giản, có phần do nhận thức hạn chế nên có thể áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho các bị cáo hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời miễn hình phạt bổ sung để các bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[7] Hành vi của T cho anh Hiền vay 20.000.000đồng với lãi suất 2000đồng/triệu/ngày (tương đương 72%/năm), không vi phạm quy định về lãi suất được quy định trong Bộ luật dân sự nên CQĐT không đề cập xử lý là đúng.

[8] Đối với Chu Văn Viên là chủ cửa hàng sửa xe máy nơi xảy ra vụ án. Do anh Viên ngồi bên trong nhà sửa xe máy, không biết sự việc, khi T1 nhờ giữ hộ điện thoại thì không cầm, khi biết T1 để lại điện thoại trong tủ đồ sửa xe của mình thì mang giao nộp cho cơ quan điều tra cùng với chiếc mũ còi nên không có lỗi.

[9] Về vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe máy, vật chứng vụ án là chiếc mũ còi và không có ý kiến gì khác; đồng thời, xác nhận việc đã nhận số tiền 25 triệu đồng là tiền bồi thường của gia đình các bị cáo, nay không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách

nhiệm bồi thường dân sự; gia đình các bị cáo (vợ) đều thừa nhận việc bồi thường người bị hại là theo đề nghị của các bị cáo và đều nhất trí, không có ý kiến, đề nghị gì khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện nên HĐXX chấp nhận, không đặt ra xem xét.

[10] Về khoản tiền anh Hiền nợ T, do T và vợ không yêu cầu Hiền phải trả số tiền này, Hiền cũng nhất trí không có ý kiến gì khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Chu Văn T, Trần Văn T1 phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt Chu Văn T 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 13/8/2021. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử phạt Trần Văn T1 03 (Ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 13/8/2021. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xác nhận việc người bị hại đã nhận số tiền 25 triệu đồng bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả của bị cáo T và T1 và không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Xác nhận việc người bị hại đã nhận lại T1 bộ số tài sản bị chiếm đoạt gồm Xe máy, điện thoại, ốp điện thoại cùng mũ cưỡi là vật chứng vụ án và không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Xác nhận việc bị cáo Chu Văn T và vợ là chị Nguyễn Thị Hiền không yêu cầu anh Đặng Văn Hiền phải trả khoản tiền vay 20 triệu đồng.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ (*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi của chính mình*)./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- CA, VKS, THADS H.Ứng Hoà;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Kiến

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

N-ì nhËn:

TM.H□I □□NG X□T X□ S□

THỘM

- TAND TP Hµ Néi;
- CA, VKS, THA huyÖn □ng Họµ;
- BÐ c, o; Ng-êi bÐ h'i;
- L-u HS.

ThÈm ph, n – Chñ to' phi^a n toµ

T-ëng Duy Họµ

Héi thÈm nh©n d©n

ThÈm ph, n – Chñ to' phi^a n toµ

